

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y L
TỈNH PH TH**

Bản án số: 09/2024/HS-ST
Ngày 29 - 02 - 2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y L- TỈNH PH TH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Ninh Thị H

Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Q và ông Thảm Văn M

-Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà Gi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y L, tỉnh Ph Th.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y L tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Liên S - kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y L, tỉnh Ph Th xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2024/TLST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXX-ST ngày 18 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Trịnh Phú N - sinh ngày 09 tháng 12 năm 1982. Tên gọi khác: Không. Nơi cư trú: Khu A B, xã Ng H, huyện Y L, Ph Th.

Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N. Bố đẻ: Trịnh Tiến C, sinh năm 1957. Mẹ đẻ: Hà Thị H, sinh năm 1962; có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1984 và 02 người con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã Ng H, huyện Y L, tỉnh Ph Th (có mặt).

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***

Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1993. Trú tại: Khu Đ Ch, xã H L, huyện Y L, tỉnh Ph Th (vắng mặt, không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do có quen biết nhau từ trước nên ngày 03/12/2022 chị Hoàng Thị L, sinh năm: 1993, HKTT: Khu Đ Ch, xã H L, huyện Y L, tỉnh Ph Th đến hỏi vay tiền Trịnh Phú N, sinh ngày 09/12/1982, ở khu A B, xã Ng H, huyện Y L, tỉnh Ph Th số tiền 210.000.000 đồng với mục đích để kinh doanh, N đồng ý cho L vay tiền, hai người thống nhất thỏa thuận lãi suất bằng miệng với nhau là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (*lãi suất tương ứng với 182,5%/năm*), trả lãi theo kỳ (*10 ngày chị L phải trả lãi một lần tương ứng số tiền 10.500.000 đồng của số tiền vay*). Sau khi đã thống nhất, ngày 03/12/2022, N chuyển khoản cho chị L số tiền 50.000.000 đồng, ngày 04/12/2022 N tiếp tục chuyển khoản cho chị L số tiền 50.000.000 đồng, cả hai lần chuyển khoản qua ứng dụng Mobile Banking chuyển tiền từ tài khoản 0972587776 ngân hàng Quân Đội (MBBANK) của N đến tài khoản ngân hàng 102868670900 VietinBank của chị L. Ngày 04/12/2022 N trực tiếp đưa cho chị L 110.000.000 đồng

tiền mặt. Như vậy từ ngày 03/12/2022 đến ngày 04/12/2022 N đã đưa cho chị L vay đủ số tiền theo thỏa thuận là 210.000.000 đồng và thống nhất tiền lãi bắt đầu tính từ ngày 04/12/2022.

Sau khi vay, chị L đã trả lãi cho N theo kỳ 10 ngày/01 lần bằng hình thức chuyển khoản và tiền mặt, từ ngày 04/12/2022 đến ngày 04/4/2023 là 12 kỳ (120 ngày), tương ứng với số tiền là 126.000.000 đồng, kỳ lãi từ ngày 05/4/2023 đến 14/4/2023 biết L làm ăn thua lỗ nên N không lấy lãi, số tiền lãi từ ngày 15/4/2023 đến ngày 25/8/2023 là 13 kỳ (130 ngày) tương ứng số tiền 136.500.000 đồng chị L chưa trả cho N.

Đến ngày 25/8/2023 chị L và N đã cùng nhau thống nhất và viết giấy vay tiền lại các khoản tiền L còn nợ N là 400.000.000 đồng, bao gồm: 210.000.000 đồng tiền nợ gốc của lần vay lãi ngày 03/12/2022 và ngày 04/12/2022; 136.500.000 đồng tiền lãi chị L chưa trả cho N của khoản vay trên (tương ứng với 13 kỳ (130 ngày) từ ngày 15/4/2023 đến ngày 25/8/2023 và 53.500.000 đồng (*số tiền này N cho chị L vay tháng 9 năm 2022 và không tính lãi*), chị L và N thống nhất trong giấy vay tiền này đề ngày 15/4/2023.

Ngày 15/11/2023, chị L thấy việc N cho vay tiền với lãi suất cao là vi phạm pháp luật nên đã làm đơn gửi Công an huyện Y L tố giác N về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Như vậy, từ ngày 03/12/2022 đến ngày 04/12/2022 N đã cho chị L vay 01 lần số tiền 210.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Lãi suất tương ứng với 182,5%/năm, cao gấp 9,125 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật dân sự.

Điều 468 Bộ luật dân sự quy định:

“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/ năm của khoản tiền vay...”

Tổng số tiền lãi theo thỏa thuận chị L phải trả cho N từ khi vay ngày 04/12/2022 đến ngày 25/8/2023 (250 ngày) là 262.500.000 đồng. Trong đó số tiền lãi được phép thu theo quy định của pháp luật đến 20% là 28.767.375 đồng, lãi suất từ trên 20% trở lên là 233.732.625 đồng.

Số tiền lãi chị L đã trả cho N là 126.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi được phép thu theo quy định của pháp luật đến 20% là 13.808.340 đồng, lãi suất từ trên 20% trở lên là 112.191.660 đồng.

Số tiền lãi chị L chưa trả cho N là 136.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi được phép thu theo quy định của pháp luật đến 20% là 14.959.035 đồng, lãi suất từ trên 20% trở lên là 121.540.965 đồng.

Hành vi của Trịnh Phú N cho chị Hoàng Thị L vay số tiền 210.000.000 đồng với mức lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với lãi suất 182,5%/năm, cao gấp 9,125 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật dân

sự, nhằm để thu lợi bất chính số tiền 233.732.625 đồng (N đã nhận được từ chị L 112.191.660 đồng).

Ngày 17/11/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Y L tỉnh Ph Th đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can đối với Trịnh Phú N, về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự. Tại cơ quan điều tra Trịnh Phú N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của N phù hợp với lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã yêu cầu Trịnh Phú N giao nộp lại số tiền 126.000.000 đồng là tiền lãi đã nhận của chị L và yêu cầu chị L giao nộp lại số tiền 210.000.000 đồng là tiền N cho chị L vay, nhưng số tiền này N, chị L đã sử dụng hết nên chưa thu giữ được.

Cáo trạng số 07/CT-VKS-YL ngày 15/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y L, tỉnh Ph Th truy tố bị cáo Trịnh Phú N về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 2 điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử :

+ Tuyên bố bị cáo Trịnh Phú N phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

Áp dụng khoản 2, 3 điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS

Xử phạt Trịnh Phú N từ 12 đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trịnh Phú N cho Ủy ban nhân dân xã Ng H, huyện Y L, tỉnh Ph Th để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Phạt bổ sung bị cáo Trịnh Phú N từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, để sung vào ngân sách nhà nước.

+ Về biện pháp tư pháp, **xử lý vật chứng**: Căn cứ điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47; khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự. Điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

- Truy thu của chị Hoàng Thị L số tiền nợ gốc là 210.000.000 đồng (*chưa trả cho bị cáo N*), để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Truy thu của bị cáo Trịnh Phú N số tiền 13.808.340 đồng (làm tròn là 13.808.000 đồng), là tiền lãi phát sinh từ tội phạm cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đến 20% để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Truy thu của bị cáo Trịnh Phú N số tiền 112.191.660 đ (làm tròn 112.192.000 đồng), là tiền lãi thu lời bất chính (trên 20%) để trả lại cho chị **Hoàng Thị L**.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A13, màu xám đã cũ của bị cáo Trịnh Phú N.

+ Về án phí: Bị cáo N phải chịu **200.000đ** án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Lời nói sau cùng: Bị cáo Trịnh Phú N xin giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, làm công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Y L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo:

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trịnh Phú N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là do có quen biết với chị Hoàng Thị L nên N có cho chị L vay số tiền 210.000.000 đồng, với mức lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với lãi suất 182,5%/năm, cao gấp 9,125 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật dân sự, nhằm để thu lợi bất chính số tiền 233.732.625 đồng (N đã nhận được từ chị L tiền lãi là 112.191.660 đồng), hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội phạm như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời trình bày của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với thời gian, địa điểm nơi xảy ra vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy có đủ căn cứ pháp lý để kết luận bị cáo Trịnh Phú N phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 điều 201 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y L truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội.

Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”...

+ Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo thấy rằng:

Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, ảnh hưởng đến quy định của nhà nước về hoạt động tín dụng gây thiệt hại cho lợi ích của người vay, gây mất trật tự trị an ở địa phương, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, điều kiện để nhận thức và đạt độ tuổi theo quy định pháp luật, hiểu biết xã hội nhưng không rèn luyện bản thân, coi thường pháp luật, vì vậy cần phải xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

Song khi quyết định hình phạt có xem xét giảm nhẹ cho bị cáo vì sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, ngoài ra năm 2003 bị cáo được Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Ph Th tặng danh hiệu Chiến sĩ giỏi trong khi thực hiện nghĩa vụ quân sự nên bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng nên xét thấy chưa cần cách ly bị cáo khỏi xã hội mà cho hưởng án treo cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt.

Về hình phạt bổ sung: Khoản 3 điều 201 Bộ luật hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm*”.

Xét thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Trịnh Phú N số tiền 40.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

[3] Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử xét thấy:

- Số tiền nợ gốc là 210.000.000 đồng bị cáo N đã cho chị L vay (*hiện nay chị L chưa trả cho bị cáo N*), đây là tiền bị cáo N sử dụng làm công cụ phạm tội nên cần thu hồi của chị L để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Số tiền 13.808.340 đồng (làm tròn là 13.808.000 đồng), là tiền lãi phát sinh từ tội phạm cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự từ đến 20%, cần thu hồi của bị cáo N để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Số tiền 112.191.660 đồng (làm tròn là 112.192.000 đồng), là tiền lãi thu lời bất chính (trên 20%) thực tế N đã thu của chị L nên cần buộc N phải trả lại cho chị L theo quy định.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A13, màu xám đã cũ thu giữ của bị cáo N, đây là vật có liên quan đến tội phạm nên cần tịch thu để sung vào ngân sách nhà nước.

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ khoản 2, 3 Điều 201; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1, 2, 3, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trịnh Phú N phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Xử phạt Trịnh Phú N 12 (Mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trịnh Phú N cho Ủy ban nhân dân xã Ng H, huyện Y L, tỉnh Ph Th để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bổ sung bị cáo Trịnh Phú N 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

[2] Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng vụ án:

Căn cứ điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47; khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự. Điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Truy thu của chị Hoàng Thị L số tiền nợ gốc là 210.000.000 đồng (*chưa trả cho bị cáo N*), để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Truy thu của bị cáo Trịnh Phú N số tiền 13.808.340 đồng (làm tròn là 13.808.000 đồng), để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Truy thu của bị cáo Trịnh Phú N số tiền 112.191.660 đồng (làm tròn là 112.192.000 đồng), để trả lại cho chị Hoàng Thị L.

- Tịch thu của bị cáo Trịnh Phú N 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A13, màu xám đã cũ (Theo biên bản giao, nhận vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y L, tỉnh Ph Th ngày 17/02/2024), để sung vào ngân sách nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Trịnh Phú N phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Ph Th để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Y L;
- VKSND tỉnh Ph Th;
- Bị cáo; Người liên quan;
- CQCSĐT CA huyện Y L;
- CQTHA hình sự CA YL;
- Chi cục THADS huyện Y L;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ninh Thị H

